

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ về quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số



59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2228/TTr-SXD ngày 01 tháng 9 năm 2020, Tờ trình số 2426/TTr-SXD ngày 18 tháng 9 năm 2020, Công văn số 2600/SXD-QLXD ngày 09 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở và trình phê duyệt dự án

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật Xây dựng năm 2014) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (trừ các dự án quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này và các dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (trừ các dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình



xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (trừ các dự án quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này);

d) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý khu kinh tế và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các dự án quy định tại Điểm b, Khoản này và các Điểm a, d và đ Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án quy định tại các Điểm a, d và đ Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

c) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định quy định tại Điểm a, b Khoản này và các nội dung liên quan khác, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 (năm) tỷ đồng.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) có cấu phần xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án; đơn vị đầu mỗi quản lý về hoạt động PPP thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các dự án quy định tại Điểm b, Khoản này);

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở quy định tại các Điểm a và b Khoản này). Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (trừ quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này);

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư được đầu tư trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (trừ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này);

d) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý khu kinh tế và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có

trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ và e, Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng có cấp công trình từ cấp II trở xuống (trừ quy định tại Điểm b, Khoản này).

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ và e, Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng có cấp công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm a và b, Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 và phần thiết kế công nghệ (nếu có) đối với các dự án quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này. Cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư dự án.

3. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c và d, Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III xây dựng trên địa bàn của tỉnh (trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này và các dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

b) Ban quản lý khu kinh tế quy định tại Khoản 5, Điều này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c và d, Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ các nội dung thẩm định do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại các Điểm a và b, Khoản này)".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian thẩm định dự án đối với dự án nhóm B không quá 13 ngày, đối với dự án nhóm C không quá 8 ngày.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại Khoản 2, Điều này, thời gian thẩm định do người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Trường hợp dự án phải thực hiện thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng, Báo cáo kinh tế-kỹ thuật

1. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian thẩm định đối với công trình cấp II và cấp III không quá 15 ngày, đối với công trình cấp IV không quá 10 ngày.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại Khoản 2, Điều này, thời gian thẩm định do người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Trường hợp dự án phải thực hiện thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (sau đây gọi chung là các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) chủ trì tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại Điểm a, Khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại Điểm a, Khoản này).

2. Giao Ban quản lý khu kinh tế chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng công trình trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

3. Giao Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân thành phố là phòng Quản lý đô thị;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng Ủy ban nhân dân huyện là phòng Kinh tế và Hạ tầng;

c) Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định theo quy định của pháp luật hiện hành. Riêng đối với phần chi phí, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2019/NĐ-CP).

4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:

a) Giao Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 1, Điều này và Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế quy định tại Khoản 2, Điều này phê duyệt:

- Thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước của công trình thuộc dự án nhóm C, sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các trường hợp điều chỉnh, bổ sung, phát sinh và thay đổi nội dung của dự án; điều chỉnh, bổ sung, phát sinh và thay đổi nội dung thiết kế, dự toán xây dựng, thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

5. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế-kỹ thuật:

Giao Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 1, Điều này và Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế quy định tại Khoản 2 của Điều này: Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo quy định tại Khoản 10, Điều 6, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của dự án đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Việc điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của các dự án này nếu được thực hiện sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý Khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp huyện, định kỳ báo cáo kết quả thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, cấp giấy phép xây dựng về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Các nội dung khác về quản lý dự án đầu tư xây dựng, ngoài nội dung nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng năm 2014; các nội dung có hiệu lực theo quy định tại Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2020. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng (b/c);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT_(Trí-QĐ46).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Tuệ Hiền